

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 22/12/2017

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hùng Bích.

2. Bà Đoàn Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Chiền.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Phú Hữu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2017 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2017/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Y, sinh năm 1987.

Cư trú: Khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Địa chỉ hiện đang sinh sống: đường T, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Mai Xuân B, sinh năm 1985.

Cư trú: Khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Địa chỉ hiện đang sinh sống: đường H, khóm 4, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn bà Y tham gia. Bị đơn ông B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 03/6/2016 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Đặng Thị Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Bà Y và ông B tự nguyện tìm hiểu sau đó tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 26/MX, ngày 06/3/2006, quyền số 01/2006. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, ông B không lo cho gia đình và có hành vi bạo lực gia đình nên bà Y yêu cầu ly hôn với ông B.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Mai Trường Xuân Long, sinh ngày 12/8/2006. Hiện nay bà Y đang nuôi dưỡng cháu Long, bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Long, không yêu cầu ông B cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Ông Mai Xuân B: Vắng mặt trong quá trình tố tụng

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Nguyên đơn bà Đặng Thị Y trình bày: Về quan hệ hôn nhân yêu cầu được ly hôn với ông B; Về con chung yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai Trường Xuân Long, sinh ngày 12/8/2006; Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Ông Mai Xuân B vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và nội dung vụ án theo bài phát biểu số 13/PB-VKS-DS ngày 22/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tố tụng:

Bà Y tranh chấp ly hôn với ông B, tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân

thành phố L, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Y và ông B có một con chung tên Mai Trường Xuân Long, sinh ngày 12/8/2006 là người chưa thành niên. Quá trình tố tụng giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp dẫn đến bà Y yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự, bằng việc ban hành quyết định đối chất để tiến hành đối chất giữa bà Y và ông B theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên ông B đã không đến tham gia đối chất để làm rõ nguyên nhân. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự trường hợp ông B phản đối yêu cầu của bà Y thì ông phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó nhưng ông B không thực hiện nghĩa vụ của mình. Do đó, Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bà Y đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của ông B theo quy định tại đoạn 1 điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ xác nhận của công an phường M Ông Mai Xuân B đăng ký thường trú tại địa chỉ khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Căn cứ xác nhận của công an phường Mỹ Long ông B đang sinh sống tại địa chỉ số 59/3B, tổ 2, đường Thoại Ngọc Hầu, khóm 4, phường Mỹ Long, thành phố L, tỉnh An Giang. Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng ông B vẫn vắng mặt. Ông B đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông B.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Y và ông B đã đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thành phố L, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 26/MX, quyền số 01/2006 ngày 06 tháng 3 năm 2006. Do đó, hôn nhân của bà Y, ông B là hợp pháp theo quy định tại khoản 6 Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 tại thời điểm đăng ký kết hôn.

Bà Y khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông B, căn cứ để bà yêu cầu là bà và ông B đã không còn sống chung, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ thực hiện các công việc gia đình, ông B nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình bằng việc đánh bà. Hôn nhân không thể hàn gắn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhiều lần hòa giải, đối chất để tạo điều kiện cho ông B hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông B vắng mặt, cũng như không có văn bản trình bày ý kiến thể hiện nguyện vọng đoàn tụ. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự ông B đã không thể hiện sự phản đối với những căn cứ và yêu cầu ly hôn của bà Y. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Y là có căn cứ

theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Có 01 (một) con chung tên Mai Trường Xuân Long, sinh ngày 12/8/2006. Hiện nay bà đang nuôi dưỡng cháu Long, bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Long, không yêu cầu ông B cấp dưỡng. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự ông B đã không thể hiện sự phản đối với yêu cầu được nuôi con chung của bà Y, cháu Long cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng bà Y. Do đó, yêu cầu của bà Y là có căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, bà Y nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 97; Điều 147; Điều 266; Điều 273; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Y.

Bà Đặng Thị Y được ly hôn với Ông Mai Xuân B.

[2] Về quan hệ con chung:

Có 01 (một) con chung tên Mai Trường Xuân Long, sinh ngày 12/8/2006. Sau khi ly hôn bà Y được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Long. Bà Y không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Y phải tạo điều kiện cho ông B trong việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Y phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đ tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0015428 ngày 08/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự TP. Long Xuyên.

Ông B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Bà Y được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự “Để thi hành”;
- VKSND – TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Quốc Việt